

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2018

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

CHUYÊN NGÀNH: CƠ KHÍ CHẾ BIẾN BẢO QUẢN NÔNG SẢN THỰC PHẨM

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn 2
Tên Tiếng Anh: General English 2
Đơn vị phụ trách: Trung Tâm Ngoại Ngữ
Số tín chỉ: 03 tín chỉ (03 tín chỉ lý thuyết)
Phân bố thời gian: 11 tuần (4 tiết học tại lớp/tuần)
Điều kiện tham gia học tập học phần:
○ *Môn học tiên quyết:* Anh văn 1
Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành X		Chuyên sâu ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh x Tiếng Việt ☐

II. Mô tả học phần

Học phần tập trung nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tổng quát cho sinh viên ở trình độ Pre-Intermediate.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (Bảng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT, trích từ mẫu 5.4).

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
213603	Anh Văn 1						X					X	X

Ghi chú:

x: Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

X: Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

** Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về tự vựng, cấu trúc, và rèn luyện kỹ năng Tiếng Anh tập trung 04 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết.*

** Kết quả học tập mong đợi của học phần:*

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
---------	--	--------------

Kiến thức		
CLO1	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.	PLO1
Kỹ năng		
CLO2	- Có thể nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày. - Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến.	PLO1
CLO3	- Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v... - Có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày.	PLO1
CLO4	Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.	PLO1
CLO5	Có thể viết đoạn văn đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành đoạn văn viết có cấu trúc.	PLO1
Thái độ		
CLO6	Ý thức học tập suốt đời Ý thức tự học hỏi nâng cao trình độ, chủ động nghiên cứu tài liệu để giải quyết vấn đề.	PLO11,PLO12

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Bài tập thực hành tại lớp

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng, thực hành và thảo luận nhóm tại lớp.
- Sinh viên hoàn thành bài tập về nhà thông qua tài khoản tự học online.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 70% số tiết học tại lớp mới được dự thi kết thúc học phần.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải chuẩn bị tra cứu từ vựng liên quan trước mỗi bài giảng.
- Thái độ: Sinh viên phải cầu thị, chuyên cần, tích cực rèn luyện và tham gia đóng góp ý kiến thảo luận.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

3. Kế hoạch đánh giá:

Chuyên cần:	10%
- Kiểm tra Giữa kỳ:	20%
- Tự học và làm bài tập online:	30%
- Thi Cuối kỳ:	40%

Sinh viên cần đạt điểm tổng kết học kỳ tối thiểu là 40% để được đánh giá là “Đạt” và hoàn tất học phần. Sinh viên bị cấm thi cuối kỳ được xem là “Không Đạt”.

4. Phương thức thực hiện cụ thể:

a. Chuyên cần:

- Giảng viên điểm danh sinh viên vào mỗi buổi học, ghi chú vào Danh sách và Sổ Đầu bài (có Lớp Trưởng ký xác nhận) để làm căn cứ cho điểm chuyên cần.
- Sinh viên vắng 02 buổi bị trừ nửa số điểm Chuyên cần, vắng 03 buổi bị trừ hết điểm Chuyên cần, vắng 04 buổi (quá 30% số giờ học) **sẽ bị cấm thi**.
- Điểm cho là số nguyên, thang 10 (0,5 hoặc 10).

b. Kiểm tra Giữa kỳ:

- Bài kiểm tra giữa kỳ được tổ chức tập trung vào Tuần 6 hoặc 7 của học kỳ.
- Nội dung Bài kiểm tra là kiến thức của các bài đã học, hình thức trắc nghiệm 4 lựa chọn, True-False, hoặc “matching”.
- Cấu trúc đề thi gồm các phần Listening, Grammar, Vocabulary, và Reading.
- Điểm cho phải là số nguyên, thang 10; không cho điểm là số thập phân.

c. Quá trình (Tự học online):

- Đội ngũ Tự Giảng kiểm soát việc làm bài được giao trên mạng của sinh viên và đánh giá dựa trên khối lượng và chất lượng bài tập sinh viên đã hoàn thành trong suốt học kỳ.
- Sinh viên **không hoàn thành đúng từ 50% trở lên khối lượng** bài tập được giao trong suốt học kỳ **sẽ bị cấm thi**.
- Điểm cho phải là số nguyên, thang 10; không cho điểm là số thập phân.

d. Cuối kỳ:

- Kỳ thi cuối kỳ được tổ chức tập trung vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật trong thời gian thi học kỳ của toàn Trường.
- Nội dung Bài Thi là kiến thức đã học trong học kỳ, hình thức trắc nghiệm 4 lựa chọn, True-False, hoặc “matching”.
- Cấu trúc đề thi gồm các phần Listening, English Usage and Reading, và Writing.
- Danh sách các nhóm thi và danh sách cấm thi sẽ được niêm yết tại Bảng Thông báo

của Trung tâm và trên các trang web thông tin ít nhất 1 tuần trước ngày thi.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- **Life A2-B1, Units 5-8**, John Hughes, Helen Stephenson and Paul Dummett, Cengage Learning
- Tài khoản học online kèm theo giáo trình Life A2-B1.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

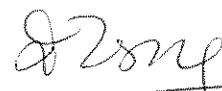
WEEK	CONTENT	TIME
1	UNIT 5: THE ENVIRONMENT	
	- Lesson 5a: Vocabulary (1-3); Listening (4); Grammar (5-7); Reading (8) (SB pp 58-59) - Lesson 5b: Reading and Speaking (1-3), Vocabulary (4-5), Grammar (7-10) (SB pp 60-61)	4hrs
	HW: Reading (Lesson 5c: 1-2) (SB p. 62) (+ assigned online activities)	
2	UNIT 5: THE ENVIRONMENT	
	- Lesson 5c: Reading: check homework, Critical thinking, Word Focus, Speaking (7) (SB pp. 62-63) - Lesson 5d: Reading (1-2), Real Life (3-5) (SB p. 64)	4 hrs
	HW: Unit 5 Review (SB p. 68) (+ assigned online activities)	
3	UNIT 5: THE ENVIRONMENT	
	- Lesson 5e: Writing (1-6) (SB pp. 65)	4hrs
	HW: Lesson 5f: Video (SB pp 66-67) (+ assigned online activities)	
4	UNIT 6: STAGES IN LIFE	
	- Lesson 6a: Vocabulary (1-2); Reading (3-5); Grammar and Listening (6-7); (SB pp 70-71) - Lesson 6b: Reading and Vocabulary (1-4), Listening (6-7), Grammar (6, 10) (SB pp 72-73)	4hrs
	HW: Grammar (Lesson 6b: 9) (SB p.73); Reading (Lesson 6c: 2-3) (SB pp 74-75) (+ assigned online activities)	
5	UNIT 6: STAGES IN LIFE	
	- Lesson 6c: Reading: check homework, Critical thinking, Word Focus, Speaking (SB pp. 74-75) - Lesson 6d: Real Life (2-5) (SB p. 76)	4hrs
	HW: Unit 6 Review (SB p. 80) (+ assigned online activities)	
6	UNIT 6: STAGES IN LIFE	
	- Lesson 6e: Writing (1-4) (SB pp. 77)	4 hrs

	HW: Lesson 6f: Video (SB pp 78-79) (+ assigned online activities)	
7	UNIT 7: WORK	
	- Lesson 7a: Listening (1-3); Vocabulary (4), Reading (6); Grammar (7-9); (SB pp 82-83) - Lesson 7b: Reading (1-2), Grammar (3-5), Listening (8-9), Vocabulary (10-11) (SB pp 84-85)	4 hrs
	HW: Reading (Lesson 7c: 3-4) (SB pp 86-87) (+ assigned online activities)	
8	UNIT 7: WORK	
	- Lesson 7c: Reading (5), Word Focus (6-7), Critical thinking (SB pp 86-87) - Lesson 7d: Vocabulary (1-2), Real life (3-7) (SB p.88)	4hrs
	HW: Unit 7 Review (SB p.92) (+ assigned online activities)	
9	UNIT 7: WORK	
	- Lesson 7e: Writing (1-7) (SB pp. 89)	4 hrs
	HW: Lesson 7f: Video (SB pp 90-91) (+ assigned online activities)	
10	UNIT 8: TECHNOLOGY	
	- Lesson 8a: Speaking (1-2); Listening (3-5), Grammar (7-10); (SB pp 94-95) - Lesson 8b: Vocabulary (1-2), Reading (3-4), Grammar (5-6), Vocabulary and Speaking (8) (SB pp 96-97)	4 hrs
	HW: Reading (Lesson 8c: 1-3) (SB pp 98-99) (+ assigned online activities)	
11	UNIT 8: TECHNOLOGY	
	- Lesson 7c: Reading: check homework, Critical thinking, Word Focus (SB pp 98-99) - Lesson 7d: Vocabulary (1-2), Real life (4-6) (SB p.100) - Review for Final Exam	5 hrs

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy vi tính, máy chiếu, loa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ



Th.S. Đào Đức Tuyên